



THỨC ĐẨY DÂN CHỦ TRONG VAI TRÒ MỘT GIÁ TRỊ TOÀN CẦU

Nguồn: Michael McFaul (2004). "Democracy Promotion as a World Value", *The Washington Quarterly*, Vol. 28, No. 1, pp. 147-163.

Biên dịch: Trần Thạch Thương Thương | **Hiệu đính:** Nguyễn Thị Nhung

Sau vụ khủng bố ngày 11/09, Tổng thống George W. Bush đã hùng hồn cam kết sẽ đưa công cuộc thúc đẩy dân chủ trên thế giới trở thành một mục tiêu hàng đầu trong chính sách ngoại giao của Mỹ, nhấn mạnh những động cơ đạo đức và chiến lược khi mở rộng tự do khắp toàn cầu. Cùng thời điểm đó, nước Mỹ trong mắt chính phủ các nước và các cộng đồng trên khắp thế giới cũng không còn được ưa chuộng và ngưỡng mộ như trước. Mặc dù gốc rễ của vấn đề này rất sâu xa, nhưng sự trỗi dậy gần đây nhất của chủ nghĩa bài Mỹ chủ yếu xuất phát từ sáng kiến chính sách đối ngoại quan trọng nhất của Bush, đó là việc xâm lược Iraq, vốn gây bất bình ở khắp các nước dân chủ lẫn phi dân chủ. Trong lịch sử đất nước, vị thế quốc tế của Mỹ có lẽ chưa bao giờ rơi xuống mức thấp như vậy.

Mối tương quan giữa cam kết thúc đẩy dân chủ có phần khoa trương của Bush và sự suy giảm danh thế của Mỹ trong cộng đồng quốc tế đã gây ra suy nghĩ sai lệch rằng chính phủ và người dân các nước khác không ủng hộ những tư tưởng dân chủ hoặc những chính sách đối ngoại có mục tiêu thúc đẩy dân chủ. Giới hoạch định chính sách đối ngoại của châu Âu đã xem những phát biểu của Tổng thống Bush về dân chủ và nhân quyền là bằng chứng của một hình thức nguy hiểm mới của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Chính phủ Iran cho rằng luận điệu về dân chủ của Bush là vỏ bọc nguy trang cho một động cơ sâu xa của Mỹ, đó là chiếm đoạt dầu mỏ của Iraq. Lãnh đạo chính phủ Trung Quốc lấy những hành vi đơn phương và cố ý bỏ qua dư luận thế giới làm bằng chứng cho thấy Mỹ không thực sự nghiêm túc khi cam kết thúc đẩy thực hiện dân chủ.¹

Từ mối liên hệ này giữa luận điệu thúc đẩy dân chủ và sự suy giảm vị thế của Mỹ, nhiều nhà bình luận Hoa Kỳ cũng đã có một kết luận tương tự về hiểm họa của việc thúc đẩy dân chủ đối với Mỹ và cả thế giới. Những nhà phê bình này cho rằng Mỹ cần phải từ bỏ sứ mệnh thúc đẩy tư tưởng dân chủ, ở Iraq cũng như trên toàn thế giới, và thay vào đó nên theo đuổi một chính sách đối ngoại thực tế và thực dụng hơn nếu muốn lấy lại uy tín quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia hiệu quả hơn. Như chủ tịch của Trung tâm Nixon, Dimitri Simens từng nói: "Theo đuổi một xã hội hoàn mỹ không tưởng dành cho tất cả mọi người đang hủy hoại những lợi ích của nước Mỹ."²

Tuy nhiên, theo cách nhìn nhận trên, mối quan hệ giữa một bên là chính sách đối ngoại Mỹ và sự yêu thích nước Mỹ với một bên là vị thế của những giá trị dân chủ trong cộng đồng quốc tế là một cách nhìn nhận sai lệch. Thứ nhất, dân chủ ngày nay, với vai trò một quy chuẩn (norm) quốc tế, đang mạnh hơn bao giờ hết, và chính dân chủ cũng được khắp nơi xem như mô hình nhà nước lí tưởng. Dân chủ cũng có sức lôi cuốn đối với gần như hầu hết mọi người ở các dân tộc, các tôn giáo, và các vùng miền trên thế giới.

Thứ hai, hầu hết các nước trong cộng đồng thế giới dần tán thành thúc đẩy dân chủ trở thành một mục tiêu của chính sách đối ngoại. Những nguyên tắc bảo vệ chủ quyền quốc gia vẫn còn lấn át những nguyên tắc bảo vệ nhân quyền, nhưng cán cân đang thay đổi. Nước Mỹ, đặc biệt từ thế kỉ 20, đã đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy những giá trị dân chủ trở thành một mục tiêu chính sách đối ngoại hợp pháp. Tuy nhiên nước Mỹ ngày nay không còn giữ thế độc quyền trong lĩnh vực thúc đẩy dân chủ. Sự phát triển đó là một dấu hiệu cho thấy chính sách này không còn đơn thuần là một lợi ích quốc gia của riêng Mỹ (hay vô bọc nguy trang cho những lợi ích quốc gia khác của Mỹ), mà còn là một quy chuẩn quốc tế được các quốc gia khác, những tổ chức liên quốc gia, và những mạng lưới toàn cầu chấp nhận.

Các quy chuẩn tồn tại không có nghĩa là chúng luôn được tuân thủ. Tuy nhiên, sự vi phạm quy chuẩn không chứng minh rằng những khuôn khổ quy chuẩn là vô nghĩa hay không có sức ảnh hưởng. Hơn nữa, mặc dù nhiều nước trên thế giới chỉ bằng mặt mà không bằng lòng trước quyền lực và những lời thuyết giáo của Mỹ, nhưng nguyên tắc về dân chủ vẫn trở nên phổ biến đến mức đáng kinh ngạc trong hệ thống quốc tế hiện nay. Ngay cả khi được quốc gia quyền lực nhất trên thế giới theo đuổi hay, theo như nhiều ý kiến, là cả hủy hoại, thì thúc đẩy dân chủ vẫn đã trở thành một quy chuẩn quốc tế.

Con đường đưa dân chủ trở thành một xu thế nổi bật

Trong tác phẩm "On Democracy" ("Bàn về Dân chủ"), Robert Dahl đã tóm tắt ngắn gọn những lợi ích của mô hình nhà nước dân chủ.³ Theo Dahl, nền dân chủ sẽ giúp ngăn chặn quyền lực thống trị của những nhà độc tài tàn bạo và độc ác, đảm bảo cho người dân những quyền cơ bản, mang lại phạm vi tự do cá nhân rộng lớn hơn, giúp người dân bảo vệ những lợi ích cơ bản của mình, đem lại cơ hội tối đa cho quyền tự quyết – quyền tự do sống dưới sự bảo hộ của pháp luật do chính mình lựa chọn. Dân chủ cũng đem lại cơ hội tối đa cho mọi người thực hiện trách nhiệm đạo đức, khuyến khích phát triển con người, đẩy mạnh công bằng chính trị, thúc đẩy hòa bình (vì sẽ không có chiến tranh giữa những nền dân chủ tiêu biểu hiện đại), và tạo nên sự thịnh vượng. Xuyên suốt phần lớn lịch sử hiện đại, quan điểm của Dahl hẳn đã khơi lên các tranh cãi nóng bỏng. Trong hàng thiên niên kỷ, các quốc vương, các hoàng đế, các giáo sĩ Hồi giáo, và các vị vua đã dựa vào Chúa trời để cai trị và xác lập tính chính đáng của quyền lực. Ở một vài khu vực trên thế giới, những kiểu độc tài như vậy vẫn còn duy trì, nhưng ngày nay quyền lực chỉ nhân danh thánh thần thì không còn đủ sức thuyết phục. Những người cầm quyền giờ đây còn phải đưa ra được những lí lẽ khác về văn hóa hay phát triển để giải thích tại sao việc thực hiện dân chủ là không phù hợp hoặc chưa phải lúc đối với đất nước của mình.

Trong thế kỉ 20, những nhà tư tưởng phát xít và Cộng sản đã tự tạo ra những mô hình chính trị mới lạ và có khả năng thay thế cho nền dân chủ. Khi họ giành được quyền kiểm soát những quốc gia lớn mạnh, như Đức và Nga, một cuộc tranh luận mang tính quy phạm về dân chủ và những hình thức thay thế khác của nó đã đi kèm với cuộc tranh giành quyền lực toàn cầu diễn ra sau đó. Cuộc đua về tư tưởng giữa dân chủ và cộng sản vô cùng căng thẳng do mô hình kinh tế quốc hữu hóa và dùng giá cố định của Liên Xô đã tạo ra tỉ lệ tăng trưởng ngang bằng hoặc thậm chí cao hơn nền kinh tế tư bản trong vài thập kỉ. Tuy nhiên, cuối cùng thì nền kinh tế bao cấp đã suy yếu đi, những đối thủ chống lại các nhà độc tài cộng sản mạnh lên, và đế chế Xô Viết sụp đổ. Kể từ đó đến nay, những biến thể mới của chế độ chuyên chế dần ăn sâu ở một vài quốc gia ra đời từ sự tan rã của Liên Xô, trong khi các nhà độc tài vẫn tự gọi chế độ của mình là Cộng sản hiện vẫn tiếp tục cầm quyền ở Trung Quốc và Việt Nam. Tuy nhiên, trong tất cả những nền độc tài này, các nhà cầm quyền không còn ủng hộ một hình thức chính phủ thay thế cho nền dân chủ nữa. Mà thay vào đó, họ chọn cách khẳng định rằng chế độ của họ chính là dân chủ dù thực tế vẫn chưa (Nga) hoặc những nhà lãnh đạo của họ đang đưa đất nước của họ "từng bước một" tiến đến dân chủ (Trung Quốc). Do đó, phần

lớn các nước trên thế giới, chế độ dân chủ hoặc đã trở thành thực tế trong quốc gia đó, hoặc là mục tiêu mà họ xác định hướng tới.

Một đối thủ khác trong thế kỉ 21 của dân chủ với tư cách là mô hình chính phủ hiệu quả nhất chính là các nhà độc tài hiện đại hóa, khi họ đã đem lại tỉ lệ tăng trưởng hiếm có cho các nền kinh tế công nghiệp hóa mới nổi. Trong những năm 1960 và 1970, tất cả các chế độ chuyên chế của những con hổ châu Á như Hong Kong, Đài Loan, Singapore, và Hàn Quốc đều duy trì mức tăng trưởng hằng năm là 9%. Có thời kì mô hình biệt lệ Đông Á đã thách thức mô hình dân chủ với tư cách là lựa chọn ưu việt hơn tại các nước đang phát triển. Các nhà nghiên cứu về phát triển kinh tế đã thừa nhận có một sự đánh đổi giữa dân chủ và phát triển đất nước, và từ đó tán thành cách thức quản trị với trình tự: phát triển đi trước, dân chủ theo sau.

Ngày nay, những nhà lãnh đạo Trung Quốc vẫn đấu tranh cho một biến thể của mô hình này. Tuy nhiên, chỉ còn duy nhất một quốc gia trong số những "con hổ" đầu tiên là Singapore vẫn trung thành với mô hình nhà nước này, nhưng thậm chí tại đây tranh luận mang tính quy phạm về kiểu chế độ cũng thay đổi đáng kể: nền dân chủ hiện nay chính là mục tiêu, cho dù mục tiêu đó còn xa vời đến mấy. Thực tiễn dân chủ ở Đông Á cũng chưa lan tỏa hiệu quả đến các khu vực khác. Tồn tại một Trung Quốc thì ngược lại vẫn tồn tại Angola, có Singapore thì vẫn còn Myanmar, có Hàn Quốc thì ngược lại vẫn còn Bắc Triều Tiên. Mặc dù dữ liệu tổng hợp toàn cầu gần đây cho thấy chế độ độc tài và chế độ dân chủ đều có tốc độ phát triển tương đương nhau, nhưng ở một số vùng như các nước châu Âu hậu Cộng sản, mối quan hệ giữa dân chủ và phát triển kinh tế rất tích cực: những nước thực hiện dân chủ hóa nhanh nhất chính là những nước tái tăng trưởng kinh tế đầu tiên sau khi chế độ cộng sản sụp đổ.⁵ Thêm vào đó, những nền dân chủ lâu đời nhất trên thế giới cũng chính là những quốc gia giàu có nhất trên thế giới.

Những khu vực có những tín ngưỡng bảo thủ, những qui chuẩn phân biệt chủng tộc, những lễ nghi gia trưởng, và những hệ tư tưởng chống dân chủ tuy vẫn đang tồn tại khắp nơi trên thế giới, nhưng ngày nay chỉ có hệ thống của Osama bin Laden và những biến thể của nó là có thể thiết lập được một chế độ đối trọng hoàn chỉnh xuyên quốc gia chống lại dân chủ tự do. Bin Laden là người truyền bá thành công nhất một hệ tư tưởng bảo thủ, bài hiện đại, bài dân chủ, bán tôn giáo, thường được gọi là trào lưu Hồi giáo chính thống. Tuy nhiên, đây là một cách gọi sai lệch; nhiều tín đồ Hồi giáo trên thế giới đi theo trào lưu Hồi giáo chính thống nhưng không hề chấp nhận, chứ không nói đến việc đến việc theo đuổi, những mục tiêu chống đối hệ thống (quốc tế) và những kế hoạch bạo lực của bin Laden. Bin Laden

và những tiền bối tư tưởng nghiêm túc hơn trước hẳn đã phát triển một hệ thống quan điểm toàn diện Trong thế giới quan của họ, mâu thuẫn chính trong quan hệ quốc tế không phải xảy ra giữa các quốc gia tìm cách tối đa hóa quyền lực. Thay vào đó, nó là một cuộc đấu tranh mang tính quy phạm giữa hai nguyên bản đối lập, một bên là phe thiện và một bên là phe ác. Trào lưu học thuyết này do bin Laden lãnh đạo hiện nay không chỉ phản đối chế độ dân chủ cũng như quan điểm coi đây là mô hình nhà nước tối ưu nhất mà còn đề xuất một chính thể khác lấy giá trị làm nền tảng, vừa hoàn thiện hơn bất kì mô hình nhà nước phương Tây nào, vừa đáp ứng đầy đủ nhu cầu cơ bản của đời sống tín ngưỡng Hồi giáo.

Sau nhiều thập kỉ suy yếu, chủ nghĩa của bin Laden và những nhánh tư tưởng đồng đạo khác được tiếp sức sau vụ khủng bố ngày 11/09 và cuộc chiến ở Iraq do Mỹ dẫn đầu. Tuy nhiên, thậm chí trong những thời khắc nguy hiểm như vậy, hệ tư tưởng này cũng không thể thách thức vị thế hệ thống chính trị hiệu quả nhất thế giới của chế độ dân chủ. Những tổ chức khủng bố có thể tấn công những chế độ dân chủ, nhưng chúng vẫn chưa thực sự đe dọa được quyền lực của chế độ dân chủ hay sự toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia dân chủ nào. Chế độ Taliban ở Afganistan hiện không còn quyền lực trong tay. Sức mạnh tư tưởng của Cộng hòa Hồi giáo Iran cũng bị tiêu diệt (mặc dù nền độc tài của các giáo sĩ Hồi giáo đang tiếp tục tồn tại lay lắt), và lãnh đạo chính phủ Iran cũng đã tuyên bố họ đang triển khai chế độ dân chủ hoặc ít nhất cũng đang đề ra những thay đổi để chế độ nhà nước dân chủ hơn.⁶ Bin Laden và những nhà cổ vấn tư tưởng của y hẳn sẽ không bao giờ đưa ra những tuyên bố như vậy.

Nhưng ngược lại, sự hồi sinh của chủ nghĩa bin Laden sau vụ khủng bố ngày 11/09 phần nào đã châm ngòi cho một cuộc tranh luận lớn hơn về vấn đề dân chủ trên phạm vi toàn Trung Đông. Giới trí thức Ả Rập, những người đã thực hiện Báo cáo của Liên Hợp Quốc về Phát triển Con người Ả Rập đã đẩy vấn đề dân chủ trở thành tâm điểm khi táo bạo chỉ ra rằng "tình trạng thiếu tự do (ở khu vực Ả Rập) đang dần hủy hoại quá trình phát triển con người và là một trong những hậu quả đau lòng nhất của việc trì hoãn phát triển chính trị".⁷ Trong ba năm gần đây, lãnh đạo trong nước và tầng lớp trí thức Ả Rập đã triệu tập nhiều hội nghị quốc tế nhằm thảo luận và thúc đẩy phát triển dân chủ. Vào ngày 03 và 04/06/2004 ở Doha, giới trí thức Ả Rập đã thẳng thắn đưa ra quan điểm cho rằng công cuộc cải cách chính trị vẫn phải được tiến hành bất chấp quá trình giải quyết những vấn đề khu vực khác, ví dụ như xung đột giữa Ả Rập và Israel, diễn ra thế nào đi chăng nữa. Những người ủng hộ dân chủ này chỉ là một bộ phận nhỏ trong xã hội, nhưng họ đã thay đổi được ngôn ngữ của các cuộc tranh luận về tình hình chính trị trong khu vực. Do đó, dù thái độ khinh thị quyền lực Mỹ trong khu vực tăng cao, nhưng

những giá trị dân chủ và những cải cách dân chủ vẫn được thảo luận và xem xét nghiêm túc nhất từ trước đến nay .

Kể từ sự sụp đổ của nền độc tài Bồ Đào Nha năm 1974, các chế độ dân chủ đã dần củng cố nhiều hơn đáng kể. Năm 1972, tổ chức Freedom House đã phân loại 43 quốc gia trên thế giới là tự do (nghĩa là “dân chủ hoàn toàn”), 38 quốc gia tự do một phần, và 69 quốc gia chưa tự do. Ba mươi năm sau, tổ chức này phân loại với kết quả 89 quốc gia tự do – số lượng tăng gấp đôi, 56 quốc gia tự do một phần, và 47 quốc gia chưa tự do.⁸ Dù kết quả ấn tượng như vậy, nhưng những ước đoán sơ lược của tiến bộ dân chủ này cho thấy nhiều dân tộc trên thế giới vẫn đang sống dưới chế độ độc tài. Tình trạng thiếu dân chủ tồn tại chủ yếu ở Trung Đông. Gần đây, những nhà độc tài ở Ma-rốc, Jordan, và Bahrain bước đầu đã thực hiện những cải cách chính trị nhỏ, nhưng xét về dài hạn, những cải cách chính trị này có nguy cơ bị hoãn lại thay vì được thúc đẩy thành dân chủ hóa đích thực.⁹

Tương tự, vấn đề đáng lo ngại chính là khoảng cách ngày càng lớn giữa những nền dân chủ tự do và những nền dân chủ tuyển cử (electoral democracy - tức dân chủ còn mang hình thức, chỉ thể hiện ở việc bầu cử có sự tham gia của nhiều đảng – NBT), cũng như sự củng cố của những nền dân chủ bề ngoài trong nhiều cuộc chuyển đổi dân chủ từ chế độ độc tài gần đây.¹⁰ Dù hiện nay trên thế giới gần như không có lãnh đạo quốc gia nào công khai theo đuổi kiểu chế độ bài dân chủ, nhưng điều này không có nghĩa là tất cả hay hầu hết các nhà lãnh đạo đều thực sự thực hành dân chủ trong nước. Quả thực, hầu hết những lãnh đạo độc tài và dân chủ giả mạo sẽ khẳng định họ thực sự có tiến hành dân chủ hoặc đang cố gắng vạch ra một công cuộc chuyển đổi cách mạng tiến lên dân chủ, chứ không ai tuyên bố họ đang ủng hộ một hình thức thay thế dân chủ. Thực tế, bầu cử cũng đã diễn ra ở hầu hết các quốc gia độc tài trên thế giới, và đôi lúc, như ở Serbia năm 2000, ở Kenya 2002, hay ở Gruzia năm 2003, chúng còn đóng vai trò quyết định trong việc lật đổ các nhà độc tài tại vị lâu năm.¹¹ Các lãnh đạo độc tài chắc chắn sẽ không sẵn sàng thực hiện những bước đi nguy hiểm như vậy trừ khi họ cảm thấy có những sức ép mang tính quy phạm từ bên ngoài buộc họ phải tiến hành bầu cử. Theo thời gian, cuộc tranh luận quan trọng về mô hình nhà nước tốt nhất trên thế giới cũng dần đi đến hồi kết.

Dĩ nhiên, câu nói “nền dân chủ Mỹ là hệ thống chính phủ tốt nhất” vẫn còn gây ra nhiều tranh cãi (nếu như không muốn nói là thổi bùng làn sóng giận dữ và bất bình). Thực sự, quá trình tiến hành dân chủ của bản thân Mỹ còn nhiều sai sót, bị hạn chế bởi việc áp dụng những thực tiễn lỗi thời như sử dụng cử tri đoàn, những cáo buộc nghiêm trọng về việc tước quyền bầu cử của công dân trong cuộc

bầu cử tổng thống năm 2000, và những chính sách mang hơi hướng phi tự do bao gồm việc tiếp tục sử dụng án tử hình. Ở nhiều nước trên thế giới, một số nền dân chủ đã phát triển trở thành những mô hình mạnh hơn và thuyết phục hơn so với phương thức thực hành dân chủ của Mỹ. Tuy nhiên, những mô hình khác nhau này thể hiện một bước tiến tích cực của quá trình phát triển dân chủ trên phạm vi thế giới. Điều nghịch lý là, thái độ phản nộ của thế giới đối với những chính sách và quyền lực của Mỹ có lẽ thực chất đã tách quy chuẩn dân chủ ra khỏi mối liên hệ chặt chẽ với nước Mỹ, đặc biệt trong Chiến tranh Lạnh. Như vậy việc vừa ủng hộ nền dân chủ vừa bài Mỹ không còn là một mâu thuẫn.

Khắp nơi trên thế giới, người dân theo đuổi dân chủ không chỉ coi đó một chế độ nhà nước, mà còn là một giá trị.¹² Cố gắng biện hộ cho cách tiếp cận chậm rãi từng bước tiến lên tự do hóa chính trị của mình, các nhà lãnh đạo của một số thể chế độc tài đã lập luận rằng công dân nước họ chưa sẵn sàng cho dân chủ. Bởi lẽ người dân đất nước họ hoặc không đủ giàu có để gánh nổi nền dân chủ xa xỉ, hoặc không ngưỡng mộ các nước phương Tây đến mức phải tiến hành dân chủ theo.

Những nước sung túc hơn quả thực có khả năng duy trì chế độ dân chủ hơn so với những nước nghèo.¹³ Tuy nhiên, gần như không có bằng chứng cho thấy rằng chỉ có những người giàu có mới mong muốn dân chủ, cũng như khác biệt văn hóa và tôn giáo cũng không làm thay đổi sự ủng hộ dân chủ như một giá trị.¹⁴ Thay vào đó, kết quả điều tra cho thấy rằng làn sóng ủng hộ dân chủ vô cùng mạnh mẽ, với mức độ tương đương nhau ở mỗi khu vực trên thế giới.¹⁵ Hơn nữa, ở các nước Ả rập, khảo sát cho thấy những cam kết mạnh mẽ đối với các tư tưởng Hồi giáo không cản trở con đường theo đuổi những nguyên tắc dân chủ.¹⁶ Những khác biệt giá trị giữa thế giới Ả Rập và phương Tây không liên quan đến quan niệm nói chung về dân chủ xét ở góc độ một hệ thống cầm quyền, mà thực chất vấn đề nằm ở thái độ của nam giới về nữ quyền.¹⁷ Các cuộc thăm dò được thực hiện bởi nhóm Khảo sát các giá trị thế giới (World Values Survey) cho thấy bản thân quan điểm ủng hộ những hệ tư tưởng bài dân chủ cũng không đồng nhất ở các nơi khác nhau trên thế giới, trong đó có những người được hỏi ở một số quốc gia trả lời rằng họ sẵn sàng đánh đổi một phần dân chủ để đất nước trật tự hơn. Tuy nhiên, không có quốc gia nào trong khảo sát cho thấy mức độ ủng hộ chế độ độc tài nhiều hơn ủng hộ chế độ dân chủ.¹⁸

Sự xói mòn của nguyên tắc chủ quyền quốc gia

Từ sau Hòa ước Westphalia năm 1648, lãnh đạo các nước từ lâu đã công nhận tính pháp lí của chủ quyền quốc gia như là một trong những nguyên tắc quốc tế quan trọng nhất. Mặc dù các quốc gia, đặc biệt là các cường quốc, đã vi phạm nguyên tắc này hàng trăm năm qua,¹⁹ nhưng nguyên tắc vẫn tồn tại và tiếp tục ảnh hưởng đến cách ứng xử trong quan hệ quốc tế.²⁰

Sau Thế chiến thứ II, sự ra đời của Liên Hiệp Quốc đã mang lại cho nguyên tắc chủ quyền quốc gia một đồng minh thể chế mới, và giúp nguyên tắc này phát triển trở thành một vũ khí đầy sức mạnh để phá hủy mô hình đế chế và làm suy yếu tính hợp pháp của chế độ thực dân. Cuối cùng, đế quốc đã trở thành một mô hình nhà nước bất hợp pháp và gần như không còn tồn tại. Trong suốt thời kì này, nhiều người tin tưởng rằng giành được chủ quyền quốc gia sẽ là bước đi đầu tiên để đến với nền dân chủ. Những người dân sống ở các nước thuộc địa chỉ có thể tự chọn lựa các nhà lãnh đạo của họ sau khi lật đổ được ách thực dân. Giải phóng thuộc địa, quyền tự quyết, và dân chủ chắc hẳn luôn đi liền với nhau. Nhưng không. Thay vào đó, những nhà lãnh đạo mới ở nhiều nước thuộc địa sau khi được giải phóng đã khua chiêng múa trống ca ngợi tầm quan trọng của chủ quyền quốc gia như một quy chuẩn quốc tế để lấy cớ che đậy cho hành động phủ nhận chủ quyền nhân dân của người dân nước họ. Trong thời kì Chiến tranh Lạnh, các nhà độc tài này đã lợi dụng nỗi ám ảnh về Liên Xô và chủ nghĩa đế quốc mới của Mỹ, cáo buộc lẫn thực tế, để viện thêm những lí lẽ ủng hộ việc công nhận và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trong quỹ đạo quyền lực của mình, Hoa Kỳ và Liên Xô cũng đều viện dẫn chủ quyền quốc gia để hợp pháp hóa những vụ đàn áp nội bộ mỗi khi có đòi hỏi thay đổi chế độ (dù đó là "những kẻ theo chủ nghĩa xã hội" ở Chile hay "những thế lực chống Cộng sản" ở Tiệp Khắc, cùng các đồng minh bên ngoài của họ).

Tuy nhiên, trong vài thập kỷ qua, do các quy chuẩn quốc tế mới về bảo vệ quyền con người dần có sức ảnh hưởng, vai trò nguyên tắc quốc tế của chủ quyền quốc gia dần bị xói mòn. Khi mới được kí kết, các điều ước quốc tế về quyền con người, như Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền năm 1948, Định ước Helsinki năm 1975, hoặc Hội nghị Thế giới về Quyền con người năm 1993, dường như không có chút trọng lượng nào; những thỏa thuận này nghe thật cao cả, nhưng chúng có thể mang lại kết quả thực chất gì? Tuy nhiên, chính những người sống dưới chế độ độc tài tạo ra ý nghĩa thực sự cho những tuyên bố mang tính quy phạm đó. Có lẽ nổi tiếng nhất là trường hợp những người bất đồng chính kiến ở Đông Âu đã viện dẫn

Định ước Helsinki khi lên tiếng yêu sách chính phủ công nhận quyền con người của họ, và cuối cùng họ đã thành công.²¹

Sau khi chủ nghĩa cộng sản ở châu Âu sụp đổ, những nguyên tắc bảo vệ nhân quyền vẫn không ngừng mạnh lên trong khi những nguyên tắc bảo vệ nhà nước ngày càng suy yếu. Tổng thư kí Liên Hiệp Quốc Kofi Annan trong bài diễn văn nhận giải Nobel Hòa bình của mình năm 2001 đã nhấn mạnh sự thay đổi này: “Biên giới thật sự ngày nay không phải giữa các quốc gia, mà là biên giới giữa những người có quyền lực và những người không quyền lực, giữa những người tự do và những người bị ràng buộc, giữa những người có đặc quyền và những người bị bỏ mặc.” Đây là một tuyên bố đặc biệt và đầy ý nghĩa đến từ nhân vật đứng đầu Liên Hiệp Quốc, cơ quan quốc tế đã thiết lập hệ thống bảo vệ và thúc đẩy nguyên tắc chủ quyền quốc gia. Annan còn cho rằng: “Trong thế kỉ 21, tôi tin rằng sứ mệnh của Liên Hiệp Quốc sẽ được xác định dựa trên một nhận thức mới và sâu sắc hơn về tính chất thiêng liêng bất khả xâm phạm và giá trị cao quý của mỗi con người, không phân biệt chủng tộc nào hay tôn giáo nào. Để làm được như vậy, chúng ta cần có tầm nhìn vượt khỏi khuôn khổ Nhà nước và đi sâu xuống dưới bề mặt của các quốc gia và cộng đồng.”²²

Thực tế, luật pháp và điều ước quốc tế được xây dựng với mục tiêu bảo vệ nhân quyền đã mở rộng đáng kể cả về phạm vi lẫn chiều sâu. Chủ quyền gắn với nhiệm vụ bảo vệ những quyền cơ bản của con người. Thậm chí, khi một nhà cầm quyền không thực hiện được nghĩa vụ này, các chủ thể bên ngoài giờ đây có quyền bước vào đảm nhận, và thậm chí có trách nhiệm phải can dự dựa theo những nguyên tắc mới hiện hành trong hệ thống thế giới hiện đại.²³ Theo học thuyết về quyền tài phán toàn cầu, các tòa án quốc gia có thể xét xử những bị cáo nước ngoài bị cáo buộc phạm tội chiếm hữu nô lệ, diệt chủng, tra tấn, và các tội ác chiến tranh. Nỗ lực gần đây của Tây Ban Nha để dẫn độ và xét xử độc tài người Chile Augusto Pinochet vì những tội ác vi phạm nhân quyền trong thời gian cai trị 17 năm trước đó của ông ta có lẽ là trường hợp gạt bỏ nguyên tắc chủ quyền quốc gia ấn tượng nhất, và đó chắc chắn không phải là trường hợp duy nhất. Thực tế này hiện đang diễn ra khắp nơi trên thế giới.²⁴

Các tòa án và những cơ quan luật pháp khác khi tham gia thi hành thẩm quyền tài phán toàn cầu không tuyên bố là họ đang vi phạm nguyên tắc chủ quyền quốc gia, mà thực chất, họ đang thách thức tính pháp lí của nguyên tắc đó. Tòa án Công lí quốc tế, Tòa Hình sự Quốc tế (ICT), và đặc biệt Tòa án Hình sự Quốc tế (ICC) mới thành lập là những cơ chế tiêu biểu ra đời nhằm tập trung hóa và hợp pháp hóa việc thực thi quyền tài phán toàn cầu. Các tổ chức phi chính phủ quốc tế

(NGOs) như Tổ chức Theo dõi Nhân quyền và Tổ chức Ân xá quốc tế, hợp tác chặt chẽ với các tổ chức nhân quyền địa phương, đã thu thập đáng kể những dữ liệu bằng chứng về vi phạm nhân quyền. Đây là một chiến lược nhằm buộc các chế độ lạm dụng nhân quyền phải tiến hành cải cách. Những phe ủng hộ dân chủ trong nước cũng đã viện dẫn các điều ước và các nguyên tắc quốc tế để gây áp lực đòi chính phủ thay đổi.

Rõ nét nhất, đa số các quốc gia và người dân trên thế giới xem việc can thiệp quân sự để bảo vệ nhân quyền cá nhân là hợp pháp. Các quốc gia vẫn hành động theo quan điểm này ngay cả khi cuộc tranh cãi về vấn đề ai là người có quyền cho phép tiến hành những sứ mệnh nhân đạo đó đến nay vẫn chưa ngã ngũ. Dù Mỹ là nước đã khởi động hoặc dẫn đầu hầu hết các cuộc can thiệp này, nhưng nhiều cuộc can thiệp nhân đạo vẫn được thực hiện mà không cần sự tham gia của Mỹ, mà thay vào đó là chính phủ các nước khác cùng lực lượng vũ trang của họ, như Úc ở Đông Timor, nhóm Quan sát viên Quân sự của Cộng đồng Kinh tế các nước Tây Phi và đoàn đại diện cho Liên Hiệp Quốc của nhóm này ở Sierra Leone, hoặc Liên minh châu Âu ở phía đông Congo. Những thành viên dân chủ của Tổ chức các Quốc gia Châu Mỹ (OAS) thậm chí còn góp phần thúc giục Mỹ can thiệp vào Haiti vào năm 1994.²⁵ Những sự kiện trên cho thấy việc thúc đẩy dân chủ và bảo vệ nhân quyền là những lý do quan trọng để biện minh cho hành động quân sự. Cách đây 200 năm, dân chủ không hề có trong từ điển của can thiệp quyền lực.

Quyền lực, như mọi khi, vẫn có thể đánh bại các tư tưởng. Những quốc gia hùng mạnh, phải kể đến trước tiên là Hoa Kỳ, chưa từng gặp khó khăn trước thách thức ngày càng lớn về nguyên tắc chủ quyền. Hơn nữa, các phương pháp triển khai hoạt động bảo vệ quyền con người vẫn còn gây nhiều tranh cãi. Đôi khi chúng còn mâu thuẫn với những mục tiêu mang tính quy phạm khác được những chủ thể khác trong cộng đồng quốc tế đánh giá cao hơn. Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Iraq là một ví dụ rõ nét và Annan đã gọi cuộc chiến này là "bất hợp pháp." Tương tự là cuộc chiến tranh của NATO với Serbia bởi chiến dịch này không có sự phê chuẩn của Liên Hợp Quốc và vi phạm nguyên tắc không can thiệp. Xét rộng hơn, quyền tài phán toàn cầu không phải lúc nào cũng được các tòa án quốc gia khác nhau áp dụng một cách phù hợp hoặc nhất quán với các mục tiêu mang tính quy phạm khác như hòa giải dân tộc ở các nước bị chiến tranh tàn phá.²⁶ Ngoài ra, thái độ miễn cưỡng công nhận ICC của Mỹ không chỉ thể hiện sức mạnh Mỹ, mà còn phản ánh các lỗ hổng tồn tại trong thể chế quốc tế này mà các quốc gia cần giải quyết để tòa án hoạt động hiệu quả hơn. Tuy nhiên, tư tưởng cấp tiến cho rằng mỗi cá nhân đều có những quyền riêng dù họ đang sống bất cứ nơi đâu, và rằng những nhà cầm

quyền phải đối mặt với những ràng buộc, dù thách thức đó là gì, đang ngày càng phát triển.

Thúc đẩy dân chủ trở thành một quy chuẩn quốc tế

Các chủ thể nước ngoài can thiệp cho mục tiêu thúc đẩy các quy chuẩn nhân quyền ở các nước khác thường xuyên hơn và mạnh mẽ hơn so với việc thúc đẩy thay đổi chế độ dân chủ. Mặc dù các nền dân chủ phương Tây trong lịch sử có những kết quả đa dạng trong việc xuất khẩu những hình thức khác nhau của dân chủ, tính hợp pháp và thực tiễn của việc thúc đẩy dân chủ bởi các chủ thể bên ngoài – dù đó là các quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, hoặc các cơ quan quốc tế - đã phát triển trong hai thập kỷ qua bởi tư tưởng cho rằng mỗi con người đều có quyền hưởng dân chủ đã giành được ủng hộ.²⁷

Ở Mỹ, sự ra đời của Quỹ Quốc gia vì Dân chủ (NED) vào năm 1983 đã đánh dấu một giai đoạn mới của việc hỗ trợ công khai và trực tiếp cho các nhà hoạt động nhân quyền và các tổ chức dân chủ ở nước ngoài. Vào thời điểm ra đời, các nhà phê bình lên án NED là một công cụ của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Hai thập kỷ sau, mặc dù nhiều người vẫn giữ quan điểm trên, các hoạt động của NED cho đến nay đã được công nhận là hợp pháp, trở nên phổ biến và quốc tế hóa đáng kể. Các cơ quan như Viện Cộng hòa quốc tế, Viện Dân chủ Quốc gia, Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE), và Trung tâm Carter thường xuyên gửi các quan sát viên để giám sát các cuộc bầu cử ở các nước khác. Thậm chí nhiều quốc gia độc tài hiện cũng cảm thấy áp lực buộc phải mời các giám sát viên quốc tế đến giám sát bầu cử ở nước họ, một sức ép mang tính quy phạm không hề tồn tại cách đây một vài thập kỷ.

Từ cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990, nhiều tổ chức tương tự cũng đã ra đời với mục đích cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho những nền dân chủ mới, cụ thể như đưa ra những kế hoạch chi tiết, chia sẻ kinh nghiệm, và cho lời khuyên về các vấn đề tổ chức và xây dựng thể chế.²⁸ Những chủ thể bên ngoài cũng hỗ trợ vật chất và chuyên môn trực tiếp đến các ủy ban bầu cử, các quốc hội, các tòa án, các giám sát viên nhân quyền, các đảng chính trị, các công đoàn, và các hiệp hội thương mại. Cũng trong hai thập kỷ gần đây, những tổ chức được hỗ trợ bằng ngân sách chính phủ hoặc các nguồn đóng góp tư nhân khác đã thường xuyên hỗ trợ tài chính cho các tổ chức phi chính phủ ở các nước khác nhằm mục tiêu thúc đẩy và củng cố nền dân chủ. Bằng việc khuyến khích các tổ chức phi chính phủ cam kết với những quy chuẩn dân chủ như vậy, những nhà tài trợ nước ngoài này đã góp phần thay đổi cân bằng quyền lực của nền chính trị trong nước nghiêng về phía các

nhà dân chủ.²⁹ Không phải tất cả những cá nhân và tổ chức truyền bá giá trị dân chủ này đều đến từ Mỹ, mà còn có sự góp mặt của EU như chương trình TACIS (Hỗ trợ Chuyên môn cho Cộng đồng các nước độc lập [CIS]) đối với Nga và các nước thuộc khối CIS khác hay chương trình PHARE (Vận động cho sự phục hồi kinh tế của Ba Lan và Hungary) đối với các nước Đông Âu, các viện nghiên cứu đảng phái ở Đức, Tổ chức Westminster ở Anh, Viện Dân chủ Đông Âu, và hàng chục tổ chức khác ở châu Âu và châu Á. Toàn bộ những đóng góp cho thúc đẩy dân chủ của các tổ chức châu Âu này tính gộp lại còn vượt qua cả ngân sách của Mỹ.³⁰ Trong quá trình giám sát bầu cử, chính OSCE, một tổ chức của châu Âu đóng vai trò chính, chứ không phải các tổ chức của Mỹ. Năm 1988, nhiều chủ thể xuyên quốc gia đã cùng nhau thiết lập Phong trào Thế giới vì Dân chủ, phản ánh tính chất toàn cầu thực sự của của cộng đồng ủng hộ dân chủ hiện đại.

Dân chủ cùng quản trị tốt cũng đã trở thành một ưu tiên mới của các tổ chức viện trợ vốn có truyền thống chỉ tập trung duy nhất vào phát triển kinh tế. Cả Ngân hàng Thế giới và Quỹ Phát triển Liên Hiệp Quốc đã nâng quản trị tốt trở thành một trọng điểm trong nhiệm vụ của họ. Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ đã đặt thúc đẩy dân chủ vào danh sách những mục tiêu chính trong tuyên bố chiến lược gần đây nhất của họ.³¹ Báo cáo Đánh giá Thách thức Thiên niên kỉ mới của chính quyền Bush đưa một số biến số về quản trị tốt vào tiêu chuẩn đánh giá nhận viện trợ của các quốc gia.

Cùng với viện trợ trực tiếp và hỗ trợ kinh tế gắn với quá trình cải cách chính trị, tư cách thành viên của những thể chế đa phương cũng đã dần trở thành một công cụ mới và hiệu quả thúc đẩy sự củng cố và ngăn chặn sự xói mòn của dân chủ. Ví dụ, tổ chức OAS đã thay mặt cho các thành viên hành động không chỉ “thúc đẩy và củng cố nền dân chủ đại diện” mà còn nhằm góp phần duy trì những nền dân chủ còn mong manh trong khu vực.³² Ở châu Âu, lợi ích hấp dẫn từ tư cách thành viên EU hay NATO không phải là nhân tố mang lại các cuộc chuyển đổi từ chế độ độc tài sang dân chủ ở Nam và Đông Âu, nhưng sau những bước đột phá dân chủ đầu tiên, chính EU đã đóng vai trò chủ chốt trong việc duy trì vững chắc nền dân chủ ở các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, và Hy Lạp. Triển vọng đạt được tư cách thành viên của NATO và EU đã giúp thúc đẩy quá trình củng cố dân chủ ở khu vực Đông Trung Âu và cổ vũ những nền dân chủ còn tụt hậu trong khu vực (như Bungari và Rumani) đẩy nhanh quá trình cải cách chính trị. Hội nhập là cách thức đặc biệt ôn hòa nhưng hiệu quả cho việc thúc đẩy dân chủ do cơ chế của hội nhập tạo ra động cơ khuyến khích giới lãnh đạo của một quốc gia đang tiến hành dân chủ theo đuổi sự thay đổi trong nước. Thông qua những hiệp ước như Công ước Lome IV năm 1989, Sáng kiến châu Âu vì sự Phát triển và Quyền con người

năm 1999, và Chính sách Láng giềng châu Âu năm 2003, EU đã biến việc thúc đẩy những giá trị dân chủ thành một mục tiêu chính sách trọng tâm trong quan hệ đối ngoại của khối.

Mặc dù hiện nay ngày càng nhiều chính phủ và người dân khắp thế giới tán thành nguyên tắc thúc đẩy dân chủ, bản thân chính những nước dân chủ vẫn chưa thống nhất về cách thức thực hiện. Ví dụ gần như không mấy người cho rằng sử dụng quân đội để thúc đẩy quá trình dân chủ hóa là hợp lí. Khẩu hiệu “bạn không thể buộc họ tự do” vẫn còn có giá trị với những người ủng hộ dân chủ. Kết quả các cuộc can thiệp quân sự nhằm thúc đẩy dân chủ từ trước đến nay có cả thành công và thất bại, điều này càng củng cố thêm lý lẽ đạo đức phản đối việc sử dụng vũ lực. Ngay cả các nước dân chủ cũng bất đồng giữa vấn đề đạo đức và mức độ hiệu quả của biện pháp trừng phạt kinh tế để thúc đẩy thay đổi chế độ dân chủ. Phía đề xuất những biện pháp này xem Nam Phi là một trường hợp rất thành công, còn phía đối lập xem Cuba là một thất bại thảm hại.

Cũng có những bất đồng cụ thể hơn về cách thức đẩy mạnh dân chủ. Liệu các chủ thể nước ngoài nên hối thúc bầu cử hay thông qua hiến pháp trước? Liệu họ nên thúc đẩy chế độ tổng thống hay chế độ đại nghị, nhà nước đơn nhất hay liên bang, chế độ bầu theo tỉ lệ đại diện trong nghị viện hay hệ thống bầu cử theo đa số? Các lực lượng bên ngoài nên làm việc với nhà nước hay xã hội để thúc đẩy sự thay đổi? Không có kế hoạch cụ thể nào được công nhận rộng rãi là cách hiệu quả nhất để thúc đẩy dân chủ, và trên thực tế, nhiều người thậm chí còn bác bỏ khả năng thực sự có kế hoạch nào đó.

Tuy nhiên, những tranh cãi về khía cạnh đạo đức và mức độ hiệu quả của cách thức thực hiện không phải là dấu hiệu các bên bất đồng về mục tiêu cơ bản. Cộng đồng các nước dân chủ đã chấp nhận tính chính đáng của việc thúc đẩy dân chủ. Thực tế, trong cộng đồng này, gánh nặng quy phạm đã dần chuyển sang những nước không quan tâm ủng hộ thúc đẩy dân chủ; đó là những lãnh đạo quốc gia phải giải thích lí do họ không làm gì để thúc đẩy sự nghiệp dân chủ trên toàn thế giới. Rõ ràng nguyên tắc thúc đẩy dân chủ vẫn chưa phổ biến toàn cầu bởi những nhà độc tài vẫn kiểm soát nhiều khu vực lớn trên thế giới. Những nhà độc tài này gần như không phản đối dân chủ dưới góc độ một giá trị hay một mô hình nhà nước, nhưng họ lại kịch liệt chỉ trích những người truyền bá dân chủ là bất hợp pháp, không chính đáng và mang sắc thái đế quốc. Lí lẽ của họ luôn là vì chủ quyền quốc gia, nhưng dù đó là một biện pháp phòng vệ mang tính quy phạm thì nó cũng không còn thuyết phục như cách đây 50 năm.

Phân tách thúc đẩy dân chủ khỏi chính sách đối ngoại Mỹ

Giữa thúc đẩy dân chủ cũng như các quy chuẩn dân chủ trên thế giới và sự gia tăng quyền lực của Mỹ có một mối tương quan trực tiếp. Từ trước đến nay không có quốc gia nào thúc đẩy những nguyên tắc và thực tiễn dân chủ khắp thế giới bằng Mỹ. Nếu Adolf Hitler thắng thế trong Chiến tranh Thế giới lần thứ II, thì những giá trị dân chủ vẫn có thể còn tồn tại, nhưng có lẽ sẽ còn ít chế độ dân chủ có thể sót lại. Tương tự, nếu Chiến tranh Lạnh kết thúc với sự tan rã của phía Mỹ thay vì Liên Xô, thì nền kinh tế được điều hành bởi nền độc tài một đảng sẽ là chuẩn mực và nền dân chủ sẽ là ngoại lệ. Do đó, ngay cả những tư tưởng tốt đẹp cũng đều cần những chủ thể quyền lực để bảo vệ và thúc đẩy.

Cùng lúc đó, chỉ có những kẻ ngạo mạn nhất hoặc ngây thơ nhất mới mô tả quá trình thăng trầm của thúc đẩy dân chủ trên thế giới dựa trên những thành công và thất bại trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Hầu hết các Tổng thống Mỹ đều xác định thúc đẩy dân chủ như một lợi ích chiến lược, nhưng không phải lúc nào cũng là mục tiêu quan trọng nhất hay mục tiêu theo đuổi trước mắt. Hơn nữa, dù trên thực tế, xét về dài hạn, sự phát triển của nền dân chủ khắp thế giới đã làm nước Mỹ trở nên an toàn hơn,³³ nhưng các Tổng thống đương nhiệm thường ít khi cân nhắc những lợi ích lâu dài. Họ thường hy sinh những mục tiêu chiến lược như thúc đẩy dân chủ cho những lợi ích được xem là cấp bách hơn và hợp lý hơn như an ninh hay vì lợi ích kinh tế. Họ cũng tỏ ra cẩn trọng mỗi khi chọn lựa thời gian và địa điểm tiến hành thúc đẩy dân chủ. Franklin Roosevelt quan tâm bảo vệ nền dân chủ của Pháp hơn của Ba Lan. Ronald Reagan thúc đẩy dân chủ hóa mạnh mẽ ở các nước Cộng sản hơn ở châu Phi. Bush lại có vẻ nồng nhiệt ủng hộ những nhà dân chủ ở Iraq nhưng lại lạnh nhạt với những cuộc đấu tranh chống lại độc tài của lực lượng này ở Pakistan và Nga.

Hơn nữa, ngay cả khi các Tổng thống Mỹ tuyên bố thúc đẩy dân chủ, khoảng cách giữa cam kết và hành động đôi lúc xa xôi đến mức giới quan sát phải đặt câu hỏi về mức độ sâu sắc của cam kết nguyên tắc của Mỹ đối với mục tiêu dân chủ. Chiến lược trước chiến tranh của Bush ở Iraq là một ví dụ bi thảm.³⁴ Đặc biệt là khi so sánh giữa kế hoạch và nguồn lực rót vào cuộc lật đổ Saddam Hussein, thì sự thiếu rõ ràng và mức độ thay đổi thường xuyên của kế hoạch tái thiết chế độ ở Iraq, cũng như sự khan hiếm và phân phối chậm chạp nguồn lực để tái thiết, buộc những người ủng hộ thay đổi chế độ dân chủ nồng nhiệt nhất cũng phải đặt câu hỏi về cam kết thực sự của tổng thống đối với kế hoạch này. Xét ở phạm vi rộng hơn là trong khu vực, chính sách của Bush cho đến nay đã dẫn đến một "khoản mất mát ròng" tự do. Lãnh đạo các chế độ độc tài ở Ai Cập, Iran, Uzbekistan, và

Pakistan ngày nay đã mạnh hơn cách đây hai năm, trong khi đó những nhà tư tưởng chống dân chủ như bin Laden cũng đang được ủng hộ hơn so với thời kỳ trước khi Bush lên nắm quyền.

Tuy nhiên, nếu những nỗ lực phát huy dân chủ của chính sách đối ngoại của Mỹ gặp thất bại hay thậm chí vắng bóng, chúng ta cũng không nhất thiết hoặc không thể tự động đánh đồng chúng với thái độ xa lánh mục tiêu dân chủ tại một quốc gia đã nêu hay rộng hơn, coi đây là một bằng chứng cho sự bác bỏ nguyên tắc thúc đẩy dân chủ trong quan hệ quốc tế. Nước Mỹ vẫn là một quốc gia quyền lực nhất trong hệ thống quốc tế, và do đó có quyền lực để thúc đẩy hay cản trở phát triển dân chủ hơn bất cứ chủ thể quốc gia hay phi quốc gia nào khác. Nhưng đồng thời, nước Mỹ cũng không còn là nước duy nhất trên thế giới ủng hộ dân chủ hay góp phần hợp pháp hóa việc thúc đẩy dân chủ như một quy chuẩn quốc tế.

Mặc dù nguyên tắc thúc đẩy dân chủ có lẽ ban đầu phát triển nhờ vai trò bá chủ của Mỹ, nhưng ngày nay nguyên tắc này đang thể hiện tầm ảnh hưởng độc lập và vượt xa tầm với của quyền lực Mỹ. Điều này có nghĩa là các lãnh đạo châu Âu có thể chỉ trích những hoạt động quốc tế của Mỹ nhưng vẫn duy trì cam kết thúc đẩy dân chủ trong chính sách của họ. Hầu hết những học giả Ả Rập đều lên án kịch liệt cuộc xâm chiếm Iraq cũng như hành động ủng hộ liên tục phía Israel của Mỹ và nhìn chung đều mong muốn mức độ hiện diện của Mỹ giảm đi ở khu vực Trung Đông. Tuy nhiên, trong những người chỉ trích chính sách đối ngoại Mỹ này, có một số lại ủng hộ (cả công khai và kín đáo) những chính sách của Bush về tăng cường dân chủ ở khu vực của họ. Các học giả Thổ Nhĩ Kỳ và Iran có thể phản đối sự xâm nhập của văn hóa Mỹ nhưng vẫn tin vào những cuộc bầu cử cạnh tranh. Những cuộc thăm dò ý kiến đều cho thấy trong số những người Iraq căm ghét sự hiện diện của quân đội Mỹ ở đất nước họ, có những người cũng khao khát dân chủ. Phần lớn người Iraq được hỏi đều vừa ủng hộ dân chủ vừa không ủng hộ cuộc chiến tranh của Mỹ chống lại chế độ Saddam.³⁵ Tương tự, các lãnh đạo dân chủ đối lập ở Serbia lên án gay gắt chiến dịch thả bom của Mỹ chống lại Slobodan Milosevic vào mùa xuân năm 1999 nhưng họ vẫn chấp nhận hỗ trợ từ những tổ chức giúp đỡ dân chủ của Mỹ trong vài tháng sau nhằm nỗ lực thực hiện bầu cử tổng thống Serbia vào mùa thu năm 2000 một cách tự do và công bằng. Đây chính là dấu hiệu tích cực của bước tiến dân chủ trên khắp thế giới: "nước Mỹ" và "dân chủ" không còn là hai từ đồng nghĩa.

Quy chuẩn về thúc đẩy dân chủ liệu có quan trọng không?

Một nguyên tắc dù bị vi phạm vẫn có thể tồn tại, thậm chí lâu dài vô hạn định. Trong quan hệ quốc tế, những nguyên tắc chống chế độ nô lệ được công nhận rộng rãi hàng trăm năm trước khi việc ép buộc nô lệ thực sự kết thúc. Tương tự, những nguyên tắc về quyền tự quyết và giải phóng thuộc địa giành được sự thừa nhận pháp lý quốc tế trước khi đế chế vĩ đại cuối cùng sụp đổ. Ngày nay dù tình trạng ép buộc nô lệ và thuộc địa hóa chưa bị xóa bỏ hoàn toàn, nhưng sự nổi lên của các nguyên tắc chống lại chế độ nô lệ và giải phóng thuộc địa đã đóng vai trò chủ chốt giúp thay đổi tình hình thực tế.

Liệu chế độ độc tài với tư cách là một hệ thống cai trị có thể cũng chung số phận gần như biến mất như chế độ nô lệ và các đế chế hay không? Chúng ta vẫn chưa thể đưa ra câu trả lời dứt khoát cho vấn đề vào thời điểm này. Tuy nhiên, rõ ràng là nền tảng quy phạm để thúc đẩy lịch sử đi theo hướng này hiện nay đã xuất hiện và đang tồn tại, và những nhà dân chủ khắp thế giới đã viện dẫn theo khuôn khổ quy phạm này để tăng cường quyền lực chính trị trong nước và tính chính danh ở nước ngoài của mình. Trong hai mươi năm gần đây, những nhà dân chủ chống lại chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, chế độ cộng sản ở Ba Lan, và chế độ độc tài ở Philippines, đã viện dẫn khuôn khổ quy phạm quốc tế làm phương tiện để tiếp cận các nguồn lực và giành được tính chính danh, đồng thời làm suy yếu quyền lực và uy tín của những kẻ thù độc tài.

Bị ảnh hưởng cùng hệ giá trị, về phần mình, chính phủ các nước dân chủ cũng tham gia hỗ trợ cho những lực lượng dân chủ này. Những tranh luận gay gắt thường diễn ra trong nội bộ những nền dân chủ về việc những quy chuẩn này nên đóng vai trò ưu tiên như thế nào trong việc xác định các lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, những quy chuẩn này dần trở nên mạnh mẽ đến mức buộc các nhà lãnh đạo được bầu của các nước thịnh vượng phải thi hành những chính sách đối ngoại mà chính họ không hề tán thành. Ví dụ, Tổng thống Reagan buộc phải đưa ra biện pháp trừng phạt chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi năm 1986, và chính quyền Bush đã phải cắt viện trợ cho Uzbekistan năm 2004 vì những vi phạm nhân quyền của nước này, tất cả do Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ghi nhận với sự giúp đỡ của các tổ chức phi chính phủ vì nhân quyền.³⁶

Các tiêu chuẩn dân chủ cho tư cách thành viên trong EU đã được thể chế hóa đến mức lãnh đạo của các quốc gia đang tham gia EU hiện nay khó có thể cản trở quá trình gia nhập của các quốc gia có nguyện vọng nếu những nước này đáp ứng được các tiêu chuẩn nhất định.³⁷ Ngay cả tư cách thành viên EU của Thổ Nhĩ Kỳ, viễn cảnh khiến hầu hết các thành viên EU hiện nay cảm thấy bất an, đã cải

thiện nhờ Thổ Nhĩ Kỳ đã có những tiến bộ to lớn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quy phạm riêng của EU về dân chủ và cải cách thị trường.³⁸ Như vậy, quy chuẩn về tiến hành dân chủ hiện lan tỏa trong quan hệ quốc tế. Đôi lúc, chúng còn có thể ảnh hưởng đến tiến trình chính trị quốc tế một cách độc lập và theo những cách mà những quốc gia hùng mạnh, vốn từng được cho là những chủ thể quan trọng duy nhất của sân khấu thế giới, cũng không thể ngờ tới.

Chú thích

1. Trao đổi của các quan chức giấu tên với tác giả, 2003-2004.
2. Dimitri Simes, "America's Imperial Dilemma," *Foreign Affairs* 82, no.6 (November/December 2003): 95. Xem Anthony Cordesman, "U.S. Policy in Iraq: A 'Realist' Approach to Its Challenges and Opportunities" (working paper, CSIS, Washington, D.C., August 6, 2004); G. John Ikenberry, "The End of the Neoconservative Moment," *Survival* 46, no.1 (Spring 2004): 7-22; Amy Chua, *A World on Fire: How Exporting Free Markets and Democracy Breeds Ethnic Hatred and Global Instability* (New York: Anchor Books, 2004); Lawrence Kaplan, "Springtime for Realism: Washington's New World view," *New Republic*, June 21, 2004, pp. 20-24.
3. Robert Dahl, *On Democracy* (New Haven, Conn.: Yale University Press, 1999).
4. Adam Przeworski et al., *Democracy and Development: Political Institutions and the Well Being in the World, 1950-1990* (Cambridge, Mass.: Cambridge University Press, 2000); Robert Barro, *Getting It Right: Markets and Choices in a Free Society* (Cambridge, Mass.: MIT Press, 1996).
5. Joel S. Hellman, "Winners Take All: The Politics of Partial Reform in Post communist Transitions," *World Politics* 50 (January 1998): 203-234; Valerie Bunce, "The Political Economy of Post socialism," *Slavic Review* 58 (Winter 1999): 756-793; Anders Aslund, *Building Capitalism: The Transformation of the Former Soviet Bloc* (Cambridge, Mass.: Cambridge University Press, 2002), chap 9.
6. Quan chức chính phủ Iran giấu tên, phát biểu với tác giả, Esfahanand và Tehran, Iran, 10/2003.
7. Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc, Quỹ phát triển Kinh tế và xã hội Con người Ả Rập, Báo cáo Phát triển con người Ả Rập năm 2002: Creating Opportunities for Future Generations (New York: United Nations Publications, 2002), p.2.
8. Adrian Karatnycky, "Liberty's Advances in a Troubled World," *Journal of Democracy* 14, no.1 (January 2003): 100-113.
9. Daniel Brumberg, "Beyond Liberalization?" *Wilson Quarterly* 28, no.2 (Spring 2004): 47-56.

10. Về sự khác biệt giữa dân chủ tuyển cử và dân chủ tự do, xem Larry Diamond, *Developing Democracy: Toward Consolidation* (Baltimore, Md.: Johns Hopkins University Press, 1999). Về vùng xám giữa chế độ dân chủ và chế độ độc tài, xem Thomas Carothers, "The End of the Transition Paradigm," *Journal of Democracy* 13, no.1 (January 2002): 5-21.
11. Nikolay Marinov, "The Emergence and Survival of Competitive Elections Around the World 1977-2002: The International Dimension" (bản thảo chưa xuất bản, Stanford University, Stanford, Calif., 2004).
12. Giải thích cụ thể, tham khảo Amartya Sen, "Democracy as a Universal Value," *Journal of Democracy* 10, no.3 (July 1999): 3-17.
13. Przeworski et al., *Democracy and Development*.
14. Larry Diamond, "Universal Democracy?" *Policy Review*, no.119 (June/ July 2003): 3-25.
15. Tham khảo loạt bài "How People View Democracy," *Journal of Democracy* 12, no.1 (January 2001): 93-145. Một loạt gồm bốn bài viết dựa trên khảo sát ở các nước hậu Cộng sản châu Âu, châu Phi, châu Á, và châu Mỹ Latin. Về quan điểm của Trung Đông, tham khảo *What Arabs Think: Values, Beliefs and Concerns* (Washington, D.C.: Zogby International, 2002).
16. Mark Tessler, "Do Islamic Orientations Influence Attitudes Toward Democracy in the Arab World? Evidence From Egypt, Jordan, Morocco, and Algeria," *International Journal of Comparative Sociology* 43, nos.3-5 (June 2002): 229-249.
17. Tham khảo Ronald Inglehart and Pippa Norris, "The True Clash of Civilizations," *Foreign Policy*, no.135 (March/April 2003): 63-69. Chi tiết tham khảo Ronald Inglehart and Pippa Norris, *Rising Tide: Gender Equality and Cultural Change Around the World* (Cambridge, Mass.: Cambridge University Press, 2003).
18. "How People View Democracy," *Journal of Democracy* 12, no.1 (January 2001): 93 - 145.
19. Stephen Krasner, *Sovereignty: Organised Hypocrisy* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1999).
20. Stephen Krasner, "Structural Causes and Regime Consequences: Regimes as Intervening Variables," in *International Regimes*, ed. Stephen Krasner (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 1982), p.17.
21. Daniel Thomas, *The Helsinki Effect: International Norms, Human Rights and the Demise of Communism* (Princeton: Princeton University Press, 2001).
22. "Annan's Nobel Speech in Oslo," December 11, 2001, <http://www.globalpolicy.org/secgen/annan/1012oslo.htm> (truy cập 13/10/2004).

23. Gareth Evans and Mohamed Sahnoun, "The Responsibility to Protect," *Foreign Affairs* 81, no.6 (November/December 2002): 99-110.
24. Tyche Hendricks, "Ex-Salvadoran Officer Ruled Liable in Killing of Archbishop in 1980," *San Francisco Chronicle*, September 4, 2004, <http://www.sfgate.com/cgi-bin/article.cgi?file=/chronicle/archive/2004/09/04/BAG6H8JUL11.DTL> (đã truy cập 26/09/2004).
25. Marc Peceny, "The Democratic Peace and Contemporary U.S. Military Interventions" (bản thảo chưa được công bố, presented to International Studies Association, University of Arizona, Tucson, Ariz., March 14-18, 2000), p.5.
26. Tham khảo Jack Goldsmith and Stephen Krasner, "The Limits of Idealism," *Daedalus* 132, no.1 (Winter 2003): 47-63.
27. Thomas Franck, "The Emerging Right to Democratic Governance," *American Journal of International Law* 86, no.1 (1992): 46-91; Morton Halperin, "Guaranteeing Democracy," *Foreign Policy*, no.91 (Summer 1993): 105-122; Roland Rich, "Bringing Democracy Into International Law," *Journal of Democracy* 12, no.3 (July 2001): 20-34.
28. Tham khảo Thomas Carothers, *Aiding Democracy Abroad: The Learning Curve* (Washington, D.C.: Carnegie Endowment for International Peace, 1999); Larry Diamond, *Promoting Democracy in the 1990s: Actors and Instruments, Issues and Imperatives* (New York: Carnegie Corporation of New York, 1995); Peter Burnell, "Democracy Assistance: The State of the Art," in *Democracy Assistance: International Cooperation for Democratization*, ed. Peter Burnell (London: Frank Cass, 2000).
29. Lisa Mc Intosh Sundstrom, "Lessons From the Russia Campaign: Foreign Assistance, International Norms, and NGO Development," *International Organization* (sắp xuất bản).
30. Tanja Borzel and Thomas Risse, "One Size Fits All! EU Policies for the Promotion of Human Rights, Democracy, and the Rule of Law" (bản thảo chưa được công bố, workshop on Democracy Promotion, Center for Democracy, Development, and Rule of Law, Stanford University, Stanford, Calif., October 4-5, 2004).
31. United States Agency for International Development (USAID), *Foreign Aid in the National Interest* (Washington, D.C.: USAID, 2002), chap.1 ("Promoting Democratic Governance").
32. Juan Mendez, "The Inter American System of Protection: Its Contributions to the International Law of Human Rights," in *Realizing Human Rights: Moving From Inspiration to Impact*, eds. Samantha Power and Graham Allison (New York: St. Martin's Press, 2000), pp.111-142.

33. Michael McFaul, "The Liberty Doctrine: Reclaiming the Purpose of American Power," *Policy Review*, no.112 (April/May 2002): 3-24.
34. Larry Diamond, "What Went Wrong in Iraq," *Foreign Affairs* 83, no.5 (September/October 2004): 34-56.
35. Oxford Research International, *Nation Survey of Iraq*, June 2004.
36. Dafna Linzer, "U.S. Assails Uzbekistan Policies, Trims Aid," *Washington Post*, July 14, 2004, p.A14.
37. Frank Schimmelfenning, "The Community Trap: Liberal Norms, Rhetorical Action and the Eastern Enlargement of the EU," *International Organization* 55, no.1 (Winter 2001): 47-80.
38. Senem Aydinand E.Fuat Keyman, "European Integration and the Transformation of Turkish Democracy," EU-Turkey Working Papers, no.2 (August 2004), http://shop.ceps.be/BookDetail.php?item_id=1144 (truy cập ngày 26/09/2004).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.

- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bài dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bài dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.